

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 02 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						439 284	159 233	279 996			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						124 111	12 055	112 056			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>15 112</i>	<i>12 055</i>	<i>3 057</i>			
1		COALIMEX	30/06	1045/06		QN 7237	CÁM 5A.1	5 312	5 240	72	01/07	PTCB	
2		XD CN MỎ	27/06	991/06	30/06	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100	677	423	ĐỔ	TD	GIA HẠN L1
3		THAN MIỀN NAM	01/07	1050/07		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	8 700	6 138	2 562	ĐỔ		
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						108 999		108 999			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CB THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cám 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CB THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
8		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
9		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		CROMIT CB THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XỎ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
13		KDT CẦU ĐUÔNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
14		ĐT TMDV VINACOMIN	18/06	953/05	30/06	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
15		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
16		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
17		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
18		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020			
19		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỎ 1C	1 550		1 550		TD	
20		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
21		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
22		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
23		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
24		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
26		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 02 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CẨM 4A.1	4 000		4 000			
28		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	29/06	1040/06		HẢI NAM 39	CẨM 6A.1	28 850		28 850			
29		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	30/06	1044/06		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.1	29 250		29 250			
30		KDT HÀ BẮC	30/06	1048/06		BN 1388	CẨM 5A.1	1 980		1 980		PTCB	GIA HẠN L1
31		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CẨM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
32		ĐT TMDV VINACOMIN	01/07	1051/07		BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
		Tàu chuyển tải						208 350	126 108	82 242			
		Tàu đang làm hàng						162 250	126 108	36 142			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CẨM 6A.1	22 800	22 390	410	DỖ		
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 5A.10	20 500	9 444	11 056	DỖ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 21	23/06	1021/06		QUANG VINH DIAMOND	CẨM 6A.10	23 000	14 286	8 714	DỖ		
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1				SUN GOLD	CẨM 6A.1	43 600	41 888	1 712	DỖ		TTCO: 10.098,16 - KVCP:8.285 - CLM:8.715 - KDT CP:6.000
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/06	1013/06		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.14	29 600	26 600	3 000	DỖ		TTCO: 18.431,89- CLM:5.000 - KDT CP:6.000
6		ĐIỆN VŨNG ÁNG	25/06	1027/06		VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.10	22 750	11 500	11 250	DỖ		KVDB:5.000 - CLM:17.750
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						46 100		46 100			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	26/06	1034/06		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.14	22 800		22 800			CLM:11.000 - KDT CP:11.800
2		DẦU KHÍ HÀ TĨNH	30/06	1043/06		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CẨM 5A.10	23 300		23 300			KVDB:5.000 - CLM:18.300
II		KHO G9-HÓA CHẤT						35 588	2 984	32 576			
		Tàu đã làm hàng						3 000	2 984	- 12			
1		NGHỆ TĨNH	01/7	1 269	15/7	NAM ANH 279	CẨM 8A	1 000	998	2	01/7	TD	
2		HÀ BẮC	01/7	1314b	15/7	BN - 1828	CẨM 5B.1	2 000	1 986	- 14	01/7	PT CB	
		Tàu đã làm lệnh						32 588		32 588			
1		CP VT THUỶ	15/6	699	30/6	BN - 1865	CỤC 1A	1 234		1 234		TD	
2		XD CN MỎ	15/6	705	30/6	BN - 2395	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	
3		SÔNG HỒNG	16/6	741	30/6	BN - 1746	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
4		CP HÀNG HẢI VN	18/6	823	30/6	HD - 5289	CẨM 8A	1 989		1 989		TD	
5		COALIMEX	20/6	879	30/6	BN - 1459	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		THANH HOÁ	20/6	880	30/6	BN - 1758	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
7		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CỤC 1B	900		900		TD	
8		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
9		HẢI PHÒNG	21/6	937	30/6	HP - 5902	CẨM 7B	1 645		1 645		PT CB	
10		SÔNG HỒNG	21/6	970	30/6	BN - 0766	CỤC 1A	1 030		1 030		TD	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 HÁNG 07 NĂM 2025

[illegible]

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 HÁNG 07 NĂM 2025

[illegible]

|

|

|

